

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2019/HS-PT
Ngày 22-5-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thuyên

Các Thẩm phán: Ông K'Tiêng

Bà Bùi Thị Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tú – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đăk Nông

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Quyên - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đăk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 25/2019/TLPT-HS ngày 18 tháng 02 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Đình T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 97/2016/HS-ST ngày 14 tháng 12 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện Đăk R'lấp, tỉnh Đăk Nông.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Đình T, sinh năm 1974 tại tỉnh Hải Dương; trú tại: Thôn Q, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình T1 và bà Phạm Thị L; có vợ là Lê Thị S và 01 con sinh năm 2010; bị bắt tạm giam từ ngày 16-12-2015 đến ngày 08-01-2016; từ ngày 27-9-2016 đến ngày 27-10-2016 và tiếp tục tạm giam từ ngày 30-4-2019 – Hiện đang tạm giam – Có mặt.

- Người bị hại: Chị Trần Thị P, sinh năm 1982; địa chỉ: Số 286, tổ 20, khu V, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai – Vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị S, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn Q, xã N, huyện Đăk R'lấp, tỉnh Đăk Nông – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 10/2014, thông qua người giới thiệu, Nguyễn Đình T quen

biết chị Trần Thị P và giới thiệu mình đang công tác tại Bộ Công an khu vực phía Nam có khả năng xin việc làm trong ngành công an. Do đang có nhu cầu xin việc làm cho em trai nên chị P nhờ T xin cho em mình vào làm trong ngành công an thì được T đồng ý. Để tạo niềm tin, T đưa cho chị P tấm danh thiếp ghi tên Đào Quang H là người quen của T, đang là Trưởng phòng Cảnh sát bảo vệ – Bộ Công an. Đồng thời, T đưa ra lộ trình xin việc làm và đề nghị số tiền xin việc là 250.000.000đ. Sau đó, hai bên thống nhất phương thức giao tiền là chị P đưa trước cho T 130.000.000đ, số còn lại sẽ đưa cho T khi xin việc hoàn thành. Ngày 12-10-2014, chị P đã chuyển cho T 130.000.000đ qua tài khoản của T tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh Đ, tỉnh Đắk Nông.

Đến tháng 6-2015, T gọi điện yêu cầu chị P chuyển thêm cho T 30.000.000đ và hẹn đến tháng 7-2015 sẽ có quyết định cho em chị P vào công tác trong ngành công an. Ngày 26-6-2015, chị P đã chuyển vào tài khoản của T số tiền 30.000.000đ theo yêu cầu.

Đến hẹn vẫn không thấy quyết định cho em trai đi làm, chị P đến Trụ sở Bộ Công an tại thành phố Hồ Chí Minh tìm hiểu thì biết không ai có tên Nguyễn Đình T công tác tại đây nên ngày 15-11-2015 chị P đã làm đơn tố cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo T đồng ý bồi thường số tiền 160.000.000đ cho chị P bằng việc chuyển nhượng lô đất tại thôn 11, xã N1, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 97/2016/HS-ST ngày 14-12-2016 của Toà án nhân dân huyện Đắk R'lấp đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đình T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T 01 năm 06 tháng tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giam từ ngày 16-12-2015 đến ngày 08-01-2016 và từ ngày 27-9-2016 đến ngày 27-10-2016.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 23-12-2016 bị cáo Nguyễn Đình T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo thừa nhận Toà án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” là đúng, không oan. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên toà phúc thẩm, sau khi phân tích các tình tiết, chứng cứ của vụ án, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đình T, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số: 97/2016/HS-ST ngày 14-12-2016 của Toà án nhân dân huyện Đắk R'lấp về phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Bản án hình sự sơ thẩm số: 97/2016/HS-ST ngày 14-12-2016 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'lấp đã kết án bị cáo Nguyễn Đình T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Đình T, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại giai đoạn sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, cụ thể: Bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt là 160.000.000đ cho bị hại; người bị hại cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo; gia đình bị cáo có công với cách mạng; quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 và áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 để xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù dưới mức thấp nhất của khung hình phạt (Từ 02 năm đến 07 năm tù) là phù hợp với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. Tại giai đoạn phúc thẩm, bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới nào khác. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo này của bị cáo.

[3]. Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Đình T, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo có nhân thân xấu. Vào ngày 25-3-2010 và ngày 24-8-2014 Nguyễn Đình T bị Công an, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức khởi tố, truy tố về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Trong thời gian đang bị khởi tố, điều tra đối với hành vi phạm tội thì vào tháng 10-2014 bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt 160.000.000đ của chị P. Vì vậy, bị cáo không đủ điều kiện được hưởng án treo theo hướng dẫn tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06-11-2013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng về án treo. Đối với hồ sơ bệnh án cấp cứu ngày 23-3-2017 chuẩn đoán bị cáo Nguyễn Đình T bị “Suy tim độ IV” là của cá nhân bác sĩ điều trị không phải là kết luận trong hồ sơ bệnh án của bệnh viện và cũng không phải là kết luận của Hội đồng y khoa cho nên không có cơ sở để xem xét. Hơn nữa, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo trình bày tình hình bệnh của bị cáo đã thuyên giảm. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo.

[4]. Về án phí phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Đình T phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng, cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đình T; giữ nguyên bản án Hình sự sơ thẩm số: 97/2016/HS-ST ngày 14-12-2016 của Tòa án nhân dân huyện R'láp về phần hình phạt.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, thời hạn phạt tù tính từ ngày tạm giam ngày 30-4-2019 và được khấu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 16-12-2015 đến ngày 08-01-2016 và từ ngày 27-9-2016 đến ngày 27-10-2016. Tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành án.

2. Về án phí phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Đình T phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng, cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng HSNVCS-CA tỉnh Đắk Nông;
- CA huyện Đ;
- TAND huyện Đắk R'láp;
- VKSND huyện Đắk R'láp;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã N, huyện Đ;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tổ thụ lý.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Thuyên